

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔNG HƯNG
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2023/HSST
Ngày 27/4/2023

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG HƯNG, TỈNH THÁI BÌNH**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Nhung.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Là và bà Cao Thị Hưng.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Thể- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Đào Thị Trà Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng mở phiên tòa xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hình sự thụ lý số 30/2023/TLST - HS ngày 31/3/2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2023/QĐXXST - HS ngày 13/4/2023 đối với bị cáo:

Bùi Văn T, sinh ngày 02/3/1993; Giới tính: Nam;

Tên gọi khác: Không. CCCD số: 034093002900, cấp ngày 12/02/2020.

Nơi sinh, nơi cư trú: Thôn T, xã Đ, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 7/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Cha đẻ: Bùi Văn T; Mẹ đẻ: Bùi Thị T, Vợ: Bùi Lan H; Có 01 con sinh năm 2021;

Nhân thân: Ngày 19/02/2020 bị Công an huyện Vũ Thư ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 172/QĐ/XPVPHC về hành vi “xâm hại sức khỏe người khác” bằng hình thức phạt tiền đã nộp phạt ngày 30/3/2020.

Tiền sự: Không.

Tiền án : 04

+ Bản án số 52/2012/HSST ngày 27/9/2012 của TAND huyện Đông Hưng xử phạt Thiết 03 năm 06 tháng tù về tội Cướp tài sản, án phí HSST 200.000 đồng, án phí DSST 200.000 đồng, bồi thường cho chị Trần Thị Y là 2.750.000 đồng. T đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 30/9/2015, chấp hành xong nghĩa vụ dân sự cuối năm 2012.

+ Bản án số 68/2016/HSST ngày 22/9/2016 của TAND huyện Đông Hưng xử phạt T 02 năm tù về tội Cướp giật tài sản, án phí HSST 200.000 đồng. T chấp hành xong bản án ngày 10/4/2018;

+ Bản án số 81/2018/HSST ngày 27/11/2018 của TAND huyện Đông Hưng xử phạt T 01 năm tù về tội trộm cắp tài sản, án phí HSST 200.000 đồng. T chấp hành xong bản án ngày 02/10/2019;

+ Bản án số 105/2020/HSST ngày 04/11/2020 của TAND huyện Hưng Hà xử phạt T 01 năm 06 tháng tù về tội trộm cắp tài sản, bồi thường TNDS 8.000.000 đồng, án phí DSST 400.000 đồng, án phí HSST 200.000 đồng. T chấp hành xong hình phạt tù ngày 05/01/2022, nộp xong các loại án phí 07/12/2020, chưa chấp hành xong phần bồi thường TNDS. Tại bản án này xác định T chịu tình tiết tăng nặng “tái phạm” theo quy định điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự;

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 04/01/2023, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Bình, được trích xuất có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Anh Bùi Văn L, sinh năm 1998;

Địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình

Người làm chứng:

- Ông Nguyễn Hữu H, sinh năm 1959;

Địa chỉ: Thôn L, xã M, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình.

- Anh Bùi Văn T sinh năm 1985;

Đều cùng địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình.

(Bị hại và những người làm chứng vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến vụ án tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ sáng ngày 03/01/2023, Bùi Văn T đi bộ một mình lang thang quanh khu vực gần nhà T ở để xem có nhà nào sơ hở quản lý tài sản thì T trộm cắp bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Khi đi qua nhà anh Bùi Văn L ở cùng thôn, T thấy không có ai ở nhà, cổng và cửa đều khóa nên T đã trèo tường bao vào sân nhà anh L, nhặt 1 thanh sắt dài khoảng 25 cm, kích thước (1,5×1,5) cm ở vườn rồi dùng thanh sắt này cạy mở ổ khóa cửa đi vào nhà anh L. T quan sát thấy bên trái cửa ra vào, trên kệ để đồ có 01 máy ổn áp nhãn hiệu Standa, sơn màu xanh nên đã ngắt điện, tháo dây nối điện với máy ổn áp rồi dùng hai tay bê máy ổn áp ra ngoài cổng, tiếp tục dùng thanh sắt nhặt được lúc đầu cạy khóa cổng, rồi bê máy ổn áp trộm cắp được ra đầu ngõ. T đón được 01 chiếc Taxi (không nhớ rõ là hãng xe nào, biển số xe là gì) đang đi ngang qua trục đường thôn T, xã Đ, T gọi lại và bảo Taxi chờ lên khu vực ngã tư M, huyện Đông Hưng. Lên đến nơi, T xuống xe, bê chiếc máy ổn áp vừa trộm cắp được vào quán nước của ông Nguyễn Hữu H. Tại đây, T bảo ông H “Chú cho con mượn 600.000 đồng, con để tạm máy ổn áp này ở đây, chiều con

đến chuộc sau”. Ông H đồng ý, đưa tiền cho T, T cầm tiền và sau đó sử dụng chi tiêu cá nhân hết. Đến chiều ngày 03/01/2023, anh L đi làm về phát hiện gia đình bị mất trộm chiếc máy ôn áp, sau khi xem Camera ghi hình của gia đình thì nghi là Bùi Văn T ở cùng thôn đã trộm cắp tài sản của gia đình mình nên anh L đã sang nói chuyện hỏi T về sự việc trên. T đã nhận mình trộm cắp tài sản và đang cầm cố máy ôn áp này ở quán nước ông H ở M, sau đó T cùng anh L đi lên quán nước ông H chuộc lại chiếc máy ôn áp với số tiền 650.000 đồng (T tự nguyện cho ông H thêm 50.000 đồng so với số tiền ban đầu T mượn của ông H). Ngày 04/01/2023, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đông Hưng triệu tập T lên làm việc, tại đây T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 02/KL-HĐĐGTS ngày 04/01/2023 của Hội đồng định giá tài sản huyện Đông Hưng kết luận: 01 máy tự động ôn áp xoay chiều 01 pha, nhãn hiệu STANDA, model 7500DR, công suất 7.5KVA, dải điện áp đầu vào 50-250V, đã qua sử dụng (mua năm 2022) của bị hại Bùi Văn L, tính đến thời điểm bị xâm hại có trị giá là 2.800.000 đồng (*Hai triệu tám trăm nghìn đồng*);

Cơ quan điều tra Công an huyện Đông Hưng đã tiến hành khám xét nơi ở của Bùi Văn T tại thôn T, xã Đ, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình không thu giữ, quản lý đồ vật gì.

Trước Cơ quan điều tra, bị can Bùi Văn T đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của bản thân.

Căn cứ vào hành vi phạm tội của bị cáo; Cáo trạng số 31/CT-VKSDH ngày 30/3/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng đã truy tố bị cáo về tội: “Trộm cắp tài sản” theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Trong phần tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng giữ quyền công tố tại phiên tòa phân tích nguyên nhân, điều kiện phạm tội, đánh giá chứng cứ xác định có tội, chứng cứ xác định vô tội, tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, hậu quả, nhân thân của bị cáo, tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự trên cơ sở đó đề nghị Hội đồng xét xử kết tội bị cáo theo toàn bộ cáo trạng đã truy tố, đồng thời áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; **điểm s, b khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 50** Bộ luật Hình sự tuyên bố bị cáo Bùi Văn T phạm tội: “Trộm cắp tài sản”; phạt bị cáo mức hình phạt **tù 03 (ba) năm đến 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù**, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử xử lý vật chứng và án phí.

Tại phiên tòa: Bị cáo T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã truy tố.

Bị cáo xác định Cáo trạng truy tố bị cáo về hành vi trộm cắp tài sản là đúng pháp luật vì vậy không trình bày lời bào chữa, cũng không trình bày ý kiến tranh luận về tội danh, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ, điều luật áp dụng, mức hình phạt do Kiểm sát viên đề nghị.

Kết thúc phần tranh luận tại phiên tòa bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo biết việc trộm cắp tài sản là sai, nhưng vì không có tiền mua ma túy sử dụng do bị cáo nghiện ma túy nên bị cáo vi phạm pháp luật, bị cáo mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, để bị cáo được sớm trở về với gia đình.

PHẦN NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi quyết định tố tụng:

Các tài liệu chứng cứ do Điều tra viên, Kiểm sát viên thu thập trong quá trình điều tra vụ án đã tuân thủ các quy định của pháp luật. Đó là các tài liệu hợp pháp chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo. Căn cứ vào các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đông Hưng, Điều tra viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về căn cứ xác định có tội, căn cứ xác định vô tội:

Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa đúng như lời khai nhận tội của bị cáo tại cơ quan điều tra và phù hợp với Cáo trạng số 31/CT-VKSĐH ngày 30/3/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng đã truy tố.

Lời khai nhận tội của bị cáo còn phù hợp với đơn trình báo và lời khai của bị hại Bùi Văn L; phù hợp với vật chứng thu giữ là 01 máy ổn áp xoay chiều 1 pha, nhãn hiệu STANDA, model 7500DR, phù hợp với lời khai của người làm chứng ông Nguyễn Hữu H, bà Nguyễn Thị M và anh Bùi Văn T và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Do vậy có đủ cơ sở kết luận:Khoảng 10 giờ ngày 03/01/2023, Bùi Văn T đã lợi dụng sơ hở trong quản lý tài sản, lén lút trộm cắp 01 máy ổn áp xoay chiều 01 pha, nhãn hiệu STANDA, đã qua sử dụng của anh Bùi Văn L ở cùng thôn với trị giá tài sản là 2.800.000 đồng (*Hai triệu tám trăm nghìn đồng*)

Bị cáo Bùi Văn T đã tái phạm chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý nên hành vi của bị cáo thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm và đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Điều 173. Tội trộm cắp tài sản

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng

đếndưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

...

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

a) Có tổ chức;

...

g) Tái phạm nguy hiểm.

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.

[3] Về tính chất mức độ hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo:

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an xã hội, gây tâm lý hoang mang, lo lắng và dư luận xấu trong quần chúng nhân dân ở địa phương. Bị cáo có nhân thân xấu, đã 04 lần bị Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng và Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà xét xử về tội trộm cắp tài sản và cướp giật tài sản nhưng sau khi cải tạo xong về địa phương lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội. Vì vậy, việc đưa vụ án ra xét xử là cần thiết và cần áp dụng một mức hình phạt nghiêm khắc, cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định mới có tác dụng răn đe giáo dục và phòng ngừa tội phạm.

[4] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ:

Bị cáo thành khẩn khai báo, tự nguyện khắc phục hậu quả, tài sản trộm cắp có giá trị không lớn đã được thu hồi nguyên vẹn trả lại người bị hại do vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s, h, b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo đã tái phạm nay lại phạm tội do cố ý nên lần phạm tội này thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm. Tuy nhiên tình tiết này đã được xác định là dấu hiệu định khung để xét xử bị cáo trong lần phạm tội này nên bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy bị cáo là lao động tự do, thu nhập không ổn định là người nghiện ma túy. Do vậy không nhất thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại anh Bùi Văn L đã nhận lại tài sản đã bị trộm cắp là 01 máy tự động ổn áp xoay chiều 01 pha, nhãn hiệu STANDACòn nguyên vẹn 02 chiếc khóa viết tiếp bị hư hỏng nhưng anh L không yêu cầu bồi thường bị cáo phải bồi thường, đồng thời anh L không yêu cầu bị cáo phải hoàn trả số tiền 100.000

đồng anh L đã bỏ ra đưa cho bị cáo chuộc lại tài sản trộm cắp từ ông H; Người có quyền lợi liên quan anh T là anh trai bị cáo không yêu cầu bị cáo phải hoàn trả số tiền 500.000 đồng anh T đã bỏ ra đưa cho bị cáo chuộc lại tài sản trộm cắp từ ông H do vậy hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[7]Về xử lý vật chứng:

- Đối với chiếc máy tự động ổn áp xoay chiều 01 pha, nhãn hiệu STANDA, model 7500DR, công suất 7.5KVA, dải điện áp đầu vào 50 -250V, đã qua sử dụng, của anh Bùi Văn L, Cơ quan CSĐT Công an huyện Đông Hưng đã tiến hành trả lại tài sản cho chủ sở hữu là đúng thẩm quyền Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Đối với 02 ổ khóa treo nhãn hiệu Việt Tiệp, đã qua sử dụng là tài sản của gia đình anh L giá trị tài sản không đáng kể anh L không có yêu cầu nhận lại cần tịch thu tiêu hủy.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo khai nhận sau khi trộm cắp được chiếc máy ổn áp đã đem cầm cố cho ông Nguyễn Hữu H, Cơ quan CSĐT đã tiến hành xác minh xác định ông H không biết việc T trộm cắp máy ổn áp, T cũng không nói gì với ông H về việc trộm cắp tài sản, chỉ bảo cho T vay tiền và gửi lại máy ổn áp rồi sẽ chuộc sau nên ông H đã đồng ý cho mượn số tiền 600.000 đồng, khi T và L đến chuộc lại máy ổn áp cũng tự nguyện cho thêm ông H 50.000 đồng. Cơ quan CSĐT Công an huyện Đông Hưng không có căn cứ xử lý đối với ông Hạnh.

[8]Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9]Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

1.Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Bùi Văn T phạm tội: “*Trộm cắp tài sản*”.

2.Về hình phạt và điều luật áp dụng: Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173, điểm h, s, b khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 50 Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt bị cáo Bùi Văn T 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, ngày 04/01/2023.

- Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Bùi Văn T.

3.Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra giải quyết.

4.Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46 Bộ luật hình sự Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Tịch thu tiêu hủy 02 ổ khóa treo nhãn hiệu Việt Tiệp có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng ngày 30/3/2023 giữa cơ quan điều tra Công an huyện Đông Hưng và Chi Cục thi hành án dân sự huyện Đông Hưng.

5. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu án lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Bùi Văn T phải chịu 200.000 đồng (*hai trăm ngàn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự, bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án ngày 27/4/2023. Người bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại.
- Công an huyện Đông Hưng;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình;
- Chi cục THADS huyện Đông Hưng;
- UBND xã Đ, huyện Đông Hưng;
- Lưu: Hồ sơ, văn phòng;

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
Đã ký**

Hà Thị Nhung